

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 9 – 2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Chuộng

2. Bà Nguyễn Hoa Lại

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2019/TL.ST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy A (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Trường B, xã A, huyện A, tỉnh Hậu G.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Trường B, xã A, huyện A, tỉnh Hậu G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 28/8/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy A trình bày: Bà A và Nguyễn Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng hay bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, ông T có người phụ nữ khác bên ngoài. Bà A và ông T đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình nghĩa vợ chồng nhưng không được nên đã không còn sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay. Bà A xác định không thể tiếp tục duy trì được quan hệ hôn nhân nên yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Gia H (nữ), sinh ngày 20/5/2014. Cháu H hiện đang sống với bà A. Bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H đến khi thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T thống nhất với phần trình bày của bà A về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ

chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông T cho rằng là do ông không quan tâm, chăm sóc vợ con nên bà A yêu cầu ly hôn. Hiện vợ chồng ông đã không còn sống chung khoảng 04 năm, nên bà A yêu cầu ly hôn thì ông T cũng đồng ý.

Về con chung: Ông và bà A có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Gia H (nữ), sinh ngày 20/5/2014. Cháu H hiện đang sống với bà A. Ông T đồng ý giao cháu H cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như T tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng; về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Gia H (nữ), sinh ngày 20/5/2014 cho bà A nuôi dưỡng, ông T chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét; về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thúy A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về T tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn và nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn, nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà A và ông T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định mặc dù có đủ điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống bà A và ông T phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn và đến thời điểm ly hôn vẫn không đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà A và ông T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia H (nữ), sinh ngày 20/5/2014 của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu H hiện tại đang sống chung với bà A và ông T cũng đồng ý giao cháu H cho bà A nuôi dưỡng đến khi thành niên sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, nhằm đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và ổn định cuộc sống cho cháu H nên giao cháu H cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà A chưa có yêu cầu cấp dưỡng nên ông T chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông T xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này giữa bà A và ông T phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Gia H (nữ), sinh ngày 20/5/2014 cho bà Nguyễn Thị Thúy A nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Nguyễn Văn T chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai số 0021792 ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà A đã nộp xong).

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thanh Kính